TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 24-02-2026
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tính.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Thành Tiết

Ông Thạch Phới

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Hòa Xuân, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 12 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 194/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2026/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Thanh T, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long. (xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tiền P, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Thanh T trình bày: Ông với bà Nguyễn Thị Tiền P chung sống với nhau vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 07/9/2011. Quá trình chung sống với bà Nguyễn Thị Tiền P có 02 con chung tên Lê Thị Tường V, sinh ngày 29/11/2011

đang sống với bà Nguyễn Thị Tiền P và Lê Thị Như Y, sinh ngày 21/8/2013 hiện đang sống với ông. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc xin ly hôn là do vợ chồng chung sống không còn tình cảm, không còn hạnh phúc, không còn yêu thương quan tâm lo lắng cho nhau, bỏ mặt nhau trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng đã cho nhau cơ hội hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, ông với bà Nguyễn Thị Tiền P đã sống ly thân từ tháng 8/2025 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Tiền P.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Tường V, sinh ngày 29/11/2011 đang sống với bà Nguyễn Thị Tiền P và Lê Thị Như Y, sinh ngày 21/8/2013 hiện đang sống với ông; ông yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Thị Tường V, sinh ngày 29/11/2011 và Lê Thị Như Y, sinh ngày 21/8/2013; ông không yêu cầu bà Nguyễn Thị Tiền P phải cấp dưỡng nuôi con chung, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tiền P vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Thanh T vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn bà Nguyễn Thị Tiền P vắng mặt không có ý kiến; nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến khi Hội đồng xét xử vụ án đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn đã không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về nội dung vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Lê Thanh T, cho ông Lê Thanh T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Tiền P. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung tên Lê Thị Tường V, sinh ngày 29/11/2011 và Lê Thị Như Y, sinh ngày 21/8/2013 cho ông Lê Thanh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung không tranh chấp nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Buộc ông Lê Thanh T phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy

định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Thanh T và bà Nguyễn Thị Tiền P tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 28; 35; 36 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Lê Thanh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Tiền P và yêu cầu được nuôi con chung nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con". Nguyên đơn ông Lê Thanh T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị Tiền P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Thanh T, bà Nguyễn Thị Tiền P theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Ông Lê Thanh T và bà Nguyễn Thị Tiền P chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên hôn nhân của ông Lê Thanh T và bà Nguyễn Thị Tiền P là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, ông Lê Thanh T cho rằng trong thời gian sống chung thì ông và bà Nguyễn Thị Tiền P không còn tình cảm, không còn hạnh phúc, không còn yêu thương quan tâm lo lắng cho nhau, bỏ mặt nhau trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng đã cho nhau cơ hội hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ tháng 8/2025 đến nay. Mâu thuẫn hôn nhân giữa ông Lê Thanh T và bà Nguyễn Thị Tiền P cũng đã được Tòa án xác minh ông Lê Văn Đ là cha ruột của ông Lê Thanh T có lời trình bày cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông Lê Thanh T và bà Nguyễn Thị Tiền P là do khi bà Nguyễn Thị Tiền P đi làm thuê tại xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh (địa chỉ cũ) thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thời gian sau này bà Nguyễn Thị Tiền P cho rằng ông Lê Thanh T ngoại tình nên có xảy ra xô xát, đánh nhau đến nay không thể hàn gắn được.

Thấy rằng, từ khi nộp đơn khởi kiện đến nay ông Lê Thanh T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Tiền P; khi Tòa án thụ lý vụ án, đã mời các đương sự hòa giải, nhằm tạo điều kiện và thời gian để ông Lê Thanh T và bà Nguyễn Thị Tiền P tìm giải pháp hàn gắn, đoàn tụ với nhau; nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị Tiền P vẫn vắng mặt không có lý do, không có bất kỳ biện pháp, hành động nào để hàn gắn, đoàn tụ với ông Lê Thanh T; mặt khác trước đây ông Lê Thanh T và bà Nguyễn Thị Tiền P đã khởi kiện yêu cầu ly hôn đến Tòa án, đã được Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng đến nay vẫn không thể hàn gắn, đoàn tụ được với nhau. Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

thì "1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau,…", ông Lê Thanh T và bà Nguyễn Thị Tiền P không thực hiện được điều này, không cùng nhau chung sống, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mà mỗi người sống một nơi khác nhau, không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông Lê Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với bà Nguyễn Thị Tiền P là có căn cứ.

[3] Về con chung: Ông Lê Thanh T với bà Nguyễn Thị Tiền P có 02 con chung tên Lê Thị Tường V, sinh ngày 29/11/2011 đang sống với bà Nguyễn Thị Tiền P và Lê Thị Như Y, sinh ngày 21/8/2013 hiện đang sống với ông Lê Thanh T; ông Lê Thanh T yêu cầu được nuôi con chung tên Lê Thị Tường V, sinh ngày 29/11/2011 và Lê Thị Như Y, sinh ngày 21/8/2013. Xét con chung tên Lê Thị Như Y hiện đang sống chung với ông Lê Thanh T và do ông Lê Thanh T nuôi dưỡng, bà Nguyễn Thị Tiền P đã bỏ địa phương đi từ tháng 8/2025 không có sống chung với Lê Thị Như Y và không cùng ông Lê Thanh T chăm sóc, nuôi dưỡng Lê Thị Như Y, Lê Thị Như Y cũng có ý kiến muốn sống chung với cha là ông Lê Thanh T; đối với con chung tên Lê Thị Tường V cũng có ý kiến muốn sống chung với cha là ông Lê Thanh T; để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, đảm bảo cuộc sống ổn định và sự phát triển bình thường của các con chung tên Lê Thị Tường V và Lê Thị Như Y. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Lê Thanh T, giao con chung tên Lê Thị Tường V, sinh ngày 29/11/2011 và Lê Thị Như Y, sinh ngày 21/8/2013 cho ông Lê Thanh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Thanh T không yêu cầu bà Nguyễn Thị Tiền P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, không tranh chấp nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Ông Lê Thanh T không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Ông Lê Thanh T không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Ông Lê Thanh T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[9] Xét quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản, Luật Hòa giải đối thoại; khoản 1 Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 4, Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Thanh T, cho ông Lê Thanh T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Tiền P.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Thị Tường V, sinh ngày 29/11/2011 và Lê Thị Như Y, sinh ngày 21/8/2013 cho ông Lê Thanh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Thanh T không yêu cầu bà Nguyễn Thị Tiền P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, không tranh chấp nên không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Ông Lê Thanh T không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: Ông Lê Thanh T không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

6. Về án phí: Ông Lê Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006322 ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long; ông Lê Thanh T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 12 - Vĩnh Long;
- UBND xã H, tỉnh Vĩnh Long;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Hữu Tính